

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Bảng giá tối thiểu tính lệ phí trước bạ một số loại tài sản như: tàu thuyền, ô tô, xe máy, súng săn, súng thể thao

GIÁM ĐỐC SỞ TÀI CHÍNH

Căn cứ pháp lệnh Phí, lệ phí số 38/2001/PL-UBTVQH10 ngày 28/8/2001 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

Căn cứ Nghị định số 45/2011/NĐ-CP Ngày 17/6/2011 của Chính phủ về lệ phí trước bạ;

Căn cứ Thông tư 124/2011/TT-BTC ngày 31/8/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn về lệ phí trước bạ;

Căn cứ thông tư số 34/2013/TT-BTC ngày 28/3/2013 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 124/2011/TT-BTC ngày 31/8/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn về lệ phí trước bạ;

Căn cứ Quyết định số 2664/QĐ-UBND ngày 14/6/2010 của UBND Thành phố Hà Nội về việc ủy quyền cho Giám đốc Sở Tài chính Hà Nội ký Quyết định ban hành Bảng giá tối thiểu tính lệ phí trước bạ các loại tài sản như: tàu, thuyền, ô tô, xe máy, súng săn, súng thể thao áp dụng trên địa bàn Thành phố Hà Nội;

Căn cứ Văn bản 5787/UBND-KT ngày 13/8/2013 của UBND Thành phố Hà Nội về việc ban hành bảng giá tối thiểu tính lệ phí trước bạ một số tài sản;

Căn cứ biên bản liên ngành gồm Sở Tài chính và Cục thuế Hà Nội ngày 19/9/2013 về việc thống nhất mức giá tối thiểu tính lệ phí trước bạ các loại ô tô, xe máy áp dụng trên địa bàn Thành phố Hà Nội trên cơ sở thông báo giá của các tổ chức sản xuất, lắp ráp và nhập khẩu ô tô, xe máy, giá ghi trên hoá đơn bán hàng hợp pháp, giá thị trường hoặc giá của tài sản cùng loại tương tự trên thị trường Thành phố Hà Nội ở thời điểm hiện tại,

Xét đề nghị của Ban giá, Sở Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bổ sung giá tính lệ phí trước bạ các loại ô tô cụ thể như sau: 

TT	Loại tài sản	Năm SX	Giá xe mới 100% (Triệu VNĐ)
I/ Xác định giá căn cứ văn bản thông báo giá của các cơ sở sản xuất, nhập khẩu:			
	1. Xe nhập khẩu nguyên chiếc		
	NHÃN HIỆU MERCEDES		
1	MERCEDES - BENZ CLS350 BLUE EFFICIENCY; 3498 cm ² , 04 chỗ	2012, 2013	4.093
	NHÃN HIỆU MAZDA		
1	MAZDA 3; 1.6 cc; 05 chỗ	2013	840
2	MAZDA 3; 2.0 cc; 05 chỗ	2013	820
3	MAZDA 6; 1.998 cc; 05 chỗ	2013	1.069
4	MAZDA 6; 2.488 cc; 05 chỗ	2013	1.215
5	MAZDA BT-50 (Pick up cabin kép); 2.198; 05 chỗ	2013	638
6	MAZDA BT-50 (Pick up cabin kép); 3.198; 05 chỗ	2013	760
7	MAZDA CX-9 AWD; 3.726 cc; 07 chỗ	2013	1.695
8	MAZDA MX-5; 2.0; 02 chỗ	2013	1.590
	NHÃN HIỆU LUXGEN		
1	LUXGEN M7 22 T; 2198 cc; 07 chỗ	2013	588
2	LUXGEN SEDAN (S5 18T); 1798 cc; 05 chỗ	2013	493
	2. Xe sản xuất, lắp ráp trong nước		-
	NHÃN HIỆU MAZDA		
1	MAZDA2 MT; 1.5; 05 chỗ	2013	505
2	MAZDA2 AT; 1.5; 05 chỗ	2013	534
3	MAZDA3 MT 1.6; 05 chỗ	2013	644
4	MAZDA3 AT 1.6; 05 chỗ	2013	659
5	MAZDA CX-5 AT-2WD 2.0; 05 chỗ	2013	1.029
6	MAZDA CX-5 AT-AWD 2.0; 05 chỗ	2013	1.079
II/ Xác định giá ghi trên hoá đơn bán hàng hợp pháp, giá thị trường hoặc giá của tài sản cùng loại tương tự:			
	1. Xe nhập khẩu từ nước ngoài		
	NHÃN HIỆU TOYOTA		

1	TOYOTA AYGO 998 cm3; 04 chỗ	2007	450
2	TOYOTA CAMRY GLX; 2494 cc; 05 chỗ	2012	2.034
	NHÃN HIỆU HYUNDAI		
1	HYUNDAI SANTA FE E-VGTR 2.0; 07 chỗ	2012	1.176
	NHÃN HIỆU ACURA		
1	ACURA MDX; 3664 cc; 07 chỗ	2007	1.620

Điều 2. Bổ sung giá tính lệ phí trước bạ các loại xe máy cụ thể như sau:

	B. Loại tài sản là xe máy		Giá xe mới 100% (Triệu VNĐ)
	1. Xe mô tô nhập khẩu từ nước ngoài		
1	BMW F650GS; 798 cc; 02 chỗ		346
2	PIAGGIO VESPA LX125ie 3 VALVOLE; 124 cm3; 02 chỗ		113,6

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký đối với việc tính, thu lệ phí trước bạ và được áp dụng trên địa bàn Thành phố Hà Nội. Các mức giá xe đã ban hành trái với mức giá quy định tại Quyết định này hết hiệu lực thi hành.

Điều 4. Ban giá, các phòng Thanh tra thuế, các phòng Kiểm tra thuế thuộc văn phòng Cục thuế, các Chi cục thuế quận, huyện và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Bộ Tài chính;
- Tổng Cục thuế;
- UBND Thành phố Hà Nội;
- Cục thuế Hà Nội (để p/hợp)
- Như điều 4 (để thực hiện);
- Lưu VT, BG. *[Chữ ký]*

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Lê Thị Loan